



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 19 tháng 6 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đức Trị	Chủ tịch
Bà Trần Tường Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên
Ông Lê Quốc Ân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Kim Khanh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
Ông Hoàng Duy Khánh	Thành viên
	<i>(từ ngày 15 tháng 4 năm 2023)</i>
Ông Vũ Ngọc Tú	Thành viên
	<i>(đến ngày 14 tháng 4 năm 2023)</i>

**Ban điều hành**

Ông Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hòa Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
Ông Phan Quang Long	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Phước Hoàng	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Văn Cường	Giám đốc điều hành
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Giám đốc điều hành
	<i>(từ ngày 6 tháng 4 năm 2023)</i>
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Giám đốc điều hành
	<i>(từ ngày 6 tháng 4 năm 2023)</i>
Bà Nguyễn Thị Tường Long	Kế toán trưởng

**Trụ sở đăng ký**

36 Ông Ích Đường  
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ  
Thành phố Đà Nẵng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban điều hành

Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 6 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh – số liệu so sánh

Như được trình bày tại Thuyết minh 40 của báo cáo tài chính riêng, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước được công bố trong Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ của Tổng Công ty) và theo Thông báo số 126/TB-KTNN ngày 2 tháng 2 năm 2024 gửi Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ngoại trừ do ảnh hưởng của vấn đề này.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-04-00013-24-1



Trương Vinh Phúc

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 6 tháng 3 năm 2024

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 2594-2024-007-1



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.654.247.904.976</b>	<b>1.522.530.849.154</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>201.947.046.193</b>	<b>8.786.175.645</b>
Tiền	111		8.725.046.193	8.786.175.645
Các khoản tương đương tiền	112		193.222.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>176.606.702.730</b>	<b>139.255.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	176.606.702.730	139.255.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>520.080.479.044</b>	<b>474.780.485.756</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	494.790.139.408	458.028.926.292
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.396.807.696	13.220.799.907
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7(b)	2.342.860.000	2.751.260.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	11.384.415.976	5.613.243.593
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(4.833.744.036)	(4.833.744.036)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>692.825.134.434</b>	<b>859.210.556.445</b>
Hàng tồn kho	141		699.432.962.053	892.885.738.872
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.607.827.619)	(33.675.182.427)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>62.788.542.575</b>	<b>40.498.631.308</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	9.714.462.088	8.033.487.088
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		49.433.032.966	32.460.878.516
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17(a)	3.641.047.521	4.265.704

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>649.480.688.145</b>	<b>680.843.507.816</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.357.552.545</b>	<b>10.651.446.545</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7(b)	4.685.720.000	7.614.280.000
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	671.832.545	3.037.166.545
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>496.966.421.504</b>	<b>512.476.990.033</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	495.031.384.132	509.951.295.545
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.679.400.018.055</i>	<i>1.623.214.213.107</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(1.184.368.633.923)</i>	<i>(1.113.262.917.562)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.935.037.372	2.525.694.488
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>11.863.685.720</i>	<i>11.676.989.026</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(9.928.648.348)</i>	<i>(9.151.294.538)</i>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>355.340.191</b>	<b>17.435.128.396</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	355.340.191	17.435.128.396
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>109.569.306.497</b>	<b>100.690.398.859</b>
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	92.748.900.000	92.748.900.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	10.428.000.000	10.428.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(b)	(9.363.295.503)	(10.242.203.141)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	8.000.000.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>37.232.067.408</b>	<b>39.589.543.983</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	34.969.338.850	33.959.332.420
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	2.262.728.558	5.630.211.563
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.303.728.593.121</b>	<b>2.203.374.356.970</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND Đã điều chỉnh lại
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.531.669.990.461</b>	<b>1.382.707.208.069</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.323.197.558.540</b>	<b>1.160.567.155.186</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	216.833.583.103	241.848.782.362
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.919.102.073	12.756.263.023
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(b)	14.650.550.979	34.684.283.586
Phải trả người lao động	314		317.783.444.012	292.945.253.366
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	4.457.247.586	4.776.210.165
Doanh thu chưa thực hiện - ngắn hạn	318		64.771.915	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	114.104.402.259	23.257.867.214
Vay ngắn hạn	320	20(a)	566.781.924.792	483.155.694.128
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	78.602.531.821	67.142.801.342
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>208.472.431.921</b>	<b>222.140.052.883</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	22	1.998.966.784	4.882.461.916
Vay dài hạn	338	20(b)	206.473.465.137	217.257.590.967
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>772.058.602.660</b>	<b>820.667.148.901</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>772.058.602.660</b>	<b>820.667.148.901</b>
Vốn cổ phần	411	24	360.027.080.000	300.030.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.027.080.000	300.030.750.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	198.625.892.531	172.150.529.403
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		213.405.630.129	348.485.869.498
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		122.261.437.808	75.083.456.676
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		91.144.192.321	273.402.412.822
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.303.728.593.121</b>	<b>2.203.374.356.970</b>

Ngày 6 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 02 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	4.389.846.051.983	4.765.682.983.791
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	3.730.106.628	456.833.533
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>28</b>	<b>4.386.115.945.355</b>	<b>4.765.226.150.258</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	3.997.669.894.525	4.228.853.890.402
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>388.446.050.830</b>	<b>536.372.259.856</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	85.811.711.770	97.597.582.988
Chi phí tài chính	22	31	60.116.974.728	70.105.296.851
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		32.833.936.349	19.171.199.985
Chi phí bán hàng	25	32	64.472.982.826	97.784.146.925
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	133.779.121.560	128.421.350.865
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>215.888.683.486</b>	<b>337.659.048.203</b>
Thu nhập khác	31	34	10.137.285.901	6.362.747.859
Chi phí khác	32	35	6.145.702.332	1.153.142.764
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>3.991.583.569</b>	<b>5.209.605.095</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>219.880.267.055</b>	<b>342.868.653.298</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	35.361.821.729	75.096.452.039
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	37	3.367.483.005	(5.630.211.563)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>181.150.962.321</b>	<b>273.402.412.822</b>

Ngày 6 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>219.880.267.055</b>	<b>342.868.653.298</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		101.612.278.948	104.704.395.238
Các khoản dự phòng	03		(27.946.262.446)	30.935.896.924
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		7.454.719.652	9.227.868.797
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(27.012.309.425)	(23.642.356.325)
Chi phí lãi vay	06		32.833.936.349	19.171.199.985
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>306.822.630.133</b>	<b>483.265.657.917</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(51.715.844.980)	45.812.310.185
Biến động hàng tồn kho	10		193.452.776.819	(123.326.247.957)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		11.924.795.669	(133.794.490.511)
Biến động chi phí trả trước	12		(2.690.981.430)	(13.206.846.545)
			<b>457.793.376.211</b>	<b>258.750.383.089</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(32.766.366.084)	(19.165.260.806)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17(b)	(56.212.382.734)	(52.827.436.568)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		32.639.419	381.616.911
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	21	(8.313.347.502)	(11.788.150.966)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>360.533.919.310</b>	<b>175.351.151.660</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(93.833.650.533)	(138.926.192.618)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		873.342.377	4.324.814.074
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(271.534.478.495)	(272.382.440.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		229.519.735.765	244.199.100.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		19.807.851.654	19.737.559.401
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(115.167.199.232)</b>	<b>(143.047.159.143)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		3.508.850.756.117	3.702.758.114.311
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.442.486.708.121)	(3.739.191.698.477)
Tiền trả cổ tức	36		(118.452.668.500)	(23.567.732.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(52.088.620.504)</b>	<b>(60.001.316.166)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>193.278.099.574</b>	<b>(27.697.323.649)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		8.786.175.645	36.498.496.869
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(117.229.026)	(14.997.575)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>201.947.046.193</b>	<b>8.786.175.645</b>

Ngày 6 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau của Tổng Công ty:

<b>Tên</b>	<b>Thông tin chính</b>
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Trụ sở chính	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 0400101556 ngày 30 tháng 1 năm 2007. Bao gồm các chi nhánh hoạt động trên cùng địa bàn: <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhà máy May Hòa Thọ 1</li><li>- Nhà máy May Veston Hòa Thọ</li><li>- Nhà máy Sợi Hòa Thọ 1</li><li>- Nhà máy Sợi Hòa Thọ 2</li><li>- Nhà máy May Hòa Quý</li><li>- Trung tâm Kinh doanh Thời Trang Hòa Thọ</li><li>- Trung tâm thương mại Hòa Thọ</li></ul>
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-001 ngày 27 tháng 12 năm 2013 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Thành phố Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-003 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Tên</b>	<b>Thông tin chính</b>
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ Điện Bàn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-004 ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ - Đông Hà	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-008 ngày 18 tháng 5 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-009 ngày 31 tháng 8 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ - Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-014 ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Quế Sơn - Quảng Nam	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-019 ngày 29 tháng 3 năm 2019 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ Triệu Phong	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-020 ngày 29 tháng 7 năm 2020 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2023: 5 công ty con và 2 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 9.210 nhân viên (1/1/2023: 9.410 nhân viên).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm các chi phí thuê và sửa chữa cải tạo tài sản. Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 10 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao cho bên giao gia công. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(r) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	96.178.000	83.888.000
Tiền gửi ngân hàng	8.628.868.193	8.702.287.645
Các khoản tương đương tiền	193.222.000.000	-
	201.947.046.193	8.786.175.645

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm dao động từ 0,5% đến 4,5% (1/1/2023: Không).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	176.606.702.730	176.606.702.730	139.255.000.000	139.255.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	8.000.000.000	(*)	-	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, với lãi suất năm từ 4,8% đến 9,5% (1/1/2023: từ 4,9% đến 11,2%).

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn còn lại trên tháng 12 kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, với lãi suất năm là 5,3% (1/1/2023: Không).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do bản chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 31.000 triệu VND (1/1/2023: 43.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 20).

- (\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	Địa chỉ	31/12/2023					1/1/2023						
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND		
Đầu tư góp vốn vào:													
<i>Công ty con</i>													
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Đà Nẵng	596.818	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-	442.088	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	Quảng Nam	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	-	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	-		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Quảng Nam	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-		
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	Quảng Nam	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	-	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	-		
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	Đà Nẵng	-	100%	100%	2.000.000.000	-	-	100%	100%	2.000.000.000	-		
					92.748.900.000	-						92.748.900.000	-
<i>Công ty liên kết</i>													
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	30,61%	30,61%	6.428.000.000	-	642.800	30,61%	30,61%	6.428.000.000	-		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(2.557.616.852)	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(3.436.524.490)		
					10.428.000.000	(2.557.616.852)						10.428.000.000	(3.436.524.490)

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Địa chỉ	31/12/2023					1/1/2023				
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<i>Đơn vị khác</i>											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	6.500	7,12%	7,12%	855.702.000	(505.678.651)	6.500	7,12%	7,12%	855.702.000	(505.678.651)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					7.755.702.000	(6.805.678.651)					
					110.932.602.000	(9.363.295.503)					
					7.755.702.000	(6.805.678.651)					
					110.932.602.000	(10.242.203.141)					

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Motives International (Hong Kong) Limited	227.158.560.082	139.903.797.596
Haggar Clothing Co.	86.827.098.602	91.560.398.308
Các khách hàng khác	180.804.480.724	226.564.730.388
	<b>494.790.139.408</b>	<b>458.028.926.292</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng có giá trị ghi sổ là 5.134 triệu VND (1/1/2023: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 20(a)).

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	143.590.666	159.181.030
<b>Các công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	10.791.850.258	-
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	524.006.434	967.686.893
	<b>11.459.447.358</b>	<b>1.126.867.923</b>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu về cho vay**

**(a) Phải thu về cho vay chi tiết theo đối tượng lớn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan - công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh (*)	7.028.580.000	9.371.440.000
<b>Các bên khác</b>		
Phải thu ngắn hạn khác	-	994.100.000
	7.028.580.000	10.365.540.000

(\*) Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất 10,0%/năm và sẽ được hoàn trả theo lịch trả nợ trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 25 tháng 1 năm 2022.

**(b) Phải thu về cho vay phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngắn hạn	2.342.860.000	2.751.260.000
Dài hạn	4.685.720.000	7.614.280.000
	7.028.580.000	10.365.540.000



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu khác**

**(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Tiền lãi phải thu	5.514.556.964	1.703.213.409
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.329.481.000	104.481.000
Tạm ứng nhân viên	1.991.568.703	1.001.992.550
Thuế nhập khẩu tạm nộp	339.838.279	1.207.210.507
Phải thu khác	2.208.971.030	1.596.346.127
	<hr/>	
	11.384.415.976	5.613.243.593
	<hr/>	

**(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ	-	2.450.000.000
Đặt cọc thuê mặt bằng	671.832.545	587.166.545
	<hr/>	
	671.832.545	3.037.166.545
	<hr/>	

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Thời gian quá hạn	31/12/2023				Thời gian quá hạn	1/1/2023		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND			Giá gốc VND	Dự phòng VND Đã điều chỉnh lại	Giá trị có thể thu hồi VND Đã điều chỉnh lại
Nợ quá hạn Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-	Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-	
Công ty TNHH May Phú Tường	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	-	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	2.880.547.450	-	2.880.547.450	
		<u>4.833.744.036</u>	<u>(4.833.744.036)</u>	-		<u>7.714.291.486</u>	<u>(4.833.744.036)</u>	<u>2.880.547.450</u>	
<i>Trong đó:</i>									
Dự phòng phải thu khó đòi			<u>(4.833.744.036)</u>				<u>(4.833.744.036)</u>		



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
	Đã điều chỉnh lại			
Hàng mua đang đi trên đường	95.860.504.547	(376.402.917)	52.541.559.276	(737.518.239)
Nguyên vật liệu	175.584.622.629	(2.448.186.600)	268.221.295.749	(24.107.952.612)
Công cụ và dụng cụ	1.992.255.852	-	503.052.362	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	330.208.917.755	(2.473.423.599)	409.137.240.148	(3.305.586.963)
Thành phẩm	34.262.827.533	(1.275.350.099)	30.869.501.745	(5.515.052.190)
Hàng hóa	4.750.770.818	-	4.996.418.735	(9.072.423)
Hàng gửi đi bán	56.773.062.919	(34.464.404)	126.616.670.857	-
	699.432.962.053	(6.607.827.619)	892.885.738.872	(33.675.182.427)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 107.823 triệu VND (1/1/2023: 176.055 triệu VND) hàng mua đang đi đường, nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và hàng hóa được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 635.949 triệu VND (1/1/2023: 711.182 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 20(a)).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	397.526.170.195	1.034.001.268.465	82.131.066.923	8.435.544.924	101.120.162.600	1.623.214.213.107
Tăng trong năm	1.567.385.406	7.117.810.780	1.977.822.043	379.977.170	793.263.154	11.836.258.553
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	64.932.744	73.769.427.546	17.309.817	-	294.750.000	74.146.420.107
Phân loại lại	(1.812.332.071)	2.038.695.707	-	-	(226.363.636)	-
Thanh lý	-	(26.831.938.372)	(2.076.080.147)	-	(888.855.193)	(29.796.873.712)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>397.346.156.274</b>	<b>1.090.095.264.126</b>	<b>82.050.118.636</b>	<b>8.815.522.094</b>	<b>101.092.956.925</b>	<b>1.679.400.018.055</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	171.384.941.664	805.128.895.786	44.318.069.719	6.733.159.067	85.697.851.326	1.113.262.917.562
Khấu hao trong năm	20.804.682.451	65.534.479.333	8.082.415.510	598.107.293	5.815.240.551	100.834.925.138
Phân loại lại	(1.923.627.517)	2.038.695.707	-	-	(115.068.190)	-
Thanh lý	-	(26.764.273.437)	(2.076.080.147)	-	(888.855.193)	(29.729.208.777)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>190.265.996.598</b>	<b>845.937.797.389</b>	<b>50.324.405.082</b>	<b>7.331.266.360</b>	<b>90.509.168.494</b>	<b>1.184.368.633.923</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	226.141.228.531	228.872.372.679	37.812.997.204	1.702.385.857	15.422.311.274	509.951.295.545
Số dư cuối năm	207.080.159.676	244.157.466.737	31.725.713.554	1.484.255.734	10.583.788.431	495.031.384.132

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 832.470 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 747.161 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 210.989 triệu VND (1/1/2023: 205.466 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 20).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	11.676.989.026
Tăng trong năm	186.696.694
	<hr/>
Số dư cuối năm	11.863.685.720
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	9.151.294.538
Khấu hao trong năm	777.353.810
	<hr/>
Số dư cuối năm	9.928.648.348
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	2.525.694.488
Số dư cuối năm	1.935.037.372
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 7.402 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 7.293 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Số dư đầu năm	17.435.128.396	14.352.120.576
Tăng trong năm	57.066.631.902	125.891.820.682
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(74.146.420.107)	(122.808.812.862)
	355.340.191	17.435.128.396

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Nhà máy May Triệu Phong - giai đoạn 3	293.540.191	-
Máy móc thiết bị sợi	-	13.367.742.196
Các công trình khác	61.800.000	4.067.386.200
	355.340.191	17.435.128.396

**14. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Trả trước phí bảo hiểm	2.732.764.619	2.574.658.590
Công cụ và dụng cụ	1.113.526.874	912.584.029
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	822.200.925	498.110.110
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.045.969.670	4.048.134.359
	9.714.462.088	8.033.487.088

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	13.810.386.145	20.148.946.275	33.959.332.420
Tăng trong năm	15.249.591.976	2.512.842.888	17.762.434.864
Thanh lý	(19.446.995)	-	(19.446.995)
Phân bổ trong năm	(9.639.193.299)	(7.093.788.140)	(16.732.981.439)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>19.401.337.827</b>	<b>15.568.001.023</b>	<b>34.969.338.850</b>

**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND Đã điều chỉnh lại</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	1.059.602.624	5.630.211.563
Doanh thu chưa thực hiện	20%	1.009.566.289	-
Khác	20%	193.559.645	-
		<b>2.262.728.558</b>	<b>5.630.211.563</b>

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Hultafors Group AB	18.705.524.789	41.205.311.087
Các nhà cung cấp khác	198.128.058.314	200.643.471.275
	<b>216.833.583.103</b>	<b>241.848.782.362</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	5.387.148.375	5.023.685.489
<b>Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An	5.922.532.886	4.153.784.843
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	-	3.465.355.989
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	328.798.421	607.009.382
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	7.600.436.555	18.462.790.590
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	906.163.602	-
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	5.026.026	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Tín – công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên gia đình thân cận của một người quản lý chủ chốt của Tổng Công ty	69.698.988	161.737.569
	<b>20.219.804.853</b>	<b>31.874.363.862</b>

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 ngày đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<b>1/1/2023</b>	<b>Số đã nộp trong năm</b>	<b>Số bù trừ trong năm</b>	<b>31/12/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thuê đất	-	3.641.047.521	-	3.641.047.521
Thuế đất phi nông nghiệp	4.265.704	-	(4.265.704)	-
	<b>4.265.704</b>	<b>3.641.047.521</b>	<b>(4.265.704)</b>	<b>3.641.047.521</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND Đã điều chỉnh lại	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.800.507.515	112.317.336.256	(110.980.954.373)	4.136.889.398
Thuế nhập khẩu	56.980.038	3.216.878.271	(3.273.596.292)	262.017
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	31.096.452.039	35.361.821.729	(56.212.382.734)	10.245.891.034
Thuế thu nhập cá nhân	730.343.994	8.556.658.801	(9.019.494.265)	267.508.530
Tiền thuê đất	-	4.854.729.952	(4.854.729.952)	-
Các loại thuế khác	-	744.538.558	(744.538.558)	-
	<b>34.684.283.586</b>	<b>165.051.963.567</b>	<b>(185.085.696.174)</b>	<b>14.650.550.979</b>

(\*) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 đã được điều chỉnh lại theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước đối với Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 40).

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí hoạt động	1.396.468.363	3.738.602.057
Chi phí lãi vay	341.371.962	273.801.697
Chi phí tiền điện, nước	2.203.631.726	134.396.575
Các khoản trích trước khác	515.775.535	629.409.836
	<b>4.457.247.586</b>	<b>4.776.210.165</b>

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Kinh phí công đoàn	17.260.613.357	15.063.335.443
Cổ tức phải trả	91.185.664.100	1.034.694.600
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	-	832.771.781
Ứng trước từ khách hàng cho các khoản chi hộ	936.449.270	2.506.906.124
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.721.675.532	3.820.159.266
	<b>114.104.402.259</b>	<b>23.257.867.214</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2023	Biến động trong năm		Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	31/12/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	466.866.623.048	3.508.850.756.117	(3.426.197.637.039)	287.033.756	549.806.775.882
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	16.289.071.080	16.806.599.243	(16.289.071.082)	168.549.669	16.975.148.910
	<b>483.155.694.128</b>	<b>3.525.657.355.360</b>	<b>(3.442.486.708.121)</b>	<b>455.583.425</b>	<b>566.781.924.792</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	1,5% - 3,2%	180.064.321.836	315.182.355.128
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	1,7% - 3,2%	179.949.256.061	58.616.896.720
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	3,5% - 4,0%	55.133.854.140	48.375.285.693
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	2,1% - 2,2%	-	44.392.085.507
Vay ngân hàng 5 (i)	VND	2,5% - 3,2%	79.409.343.845	-
Vay ngân hàng 6 (i)	VND	2,5%	55.000.000.000	-
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	9%	250.000.000	300.000.000
			<b>549.806.775.882</b>	<b>466.866.623.048</b>

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh số 5(a)), một số khoản phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6(a)), một số hàng tồn kho (Thuyết minh 10) và tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 11).
- (ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	223.448.614.047	233.546.662.047
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(16.975.148.910)	(16.289.071.080)
	206.473.465.137	217.257.590.967

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2023	1/1/2023
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngân hàng (i)	VND	4,3%	2024	10.000.000.000	20.000.000.000
Quỹ bảo vệ môi trường (i)	VND	2,6%	2025	2.790.000.000	4.030.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ (ii)	USD	SOFR + 0,7%	2039	210.658.614.047	209.516.662.047
				223.448.614.047	233.546.662.047

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 5(a)).
- (ii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) có hạn mức là 9.042.587 USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 11).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	67.142.801.342	68.752.372.828
Trích lập trong năm	19.740.438.562	9.854.162.569
Tăng khác	32.639.419	381.616.911
Sử dụng trong năm	(8.313.347.502)	(11.845.350.966)
Số dư cuối năm	<u>78.602.531.821</u>	<u>67.142.801.342</u>

**22. Người mua trả tiền trước dài hạn**

Khoản người mua trả tiền trước dài hạn từ Motives International (Hong Kong) Limited (“Motives”) được dùng để Tổng Công ty đầu tư dây chuyền thiết bị mở rộng sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu của Motives. Theo thỏa thuận ngày 25 tháng 4 năm 2015 và phụ lục ngày 3 tháng 1 năm 2022, số tiền ứng trước này được cần trừ dần với tiền mua hàng Motives phải trả cho Tổng Công ty kể từ năm 2017 đến năm 2025.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	236.250.000.000	137.428.205.782	207.065.692.866	580.743.898.648
Lợi nhuận thuần trong năm – đã điều chỉnh lại	-	-	273.402.412.822	273.402.412.822
<i>Lợi nhuận thuần trong năm – theo báo cáo trước đây</i>	-	-	261.234.251.690	261.234.251.690
<i>Điều chỉnh theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 40)</i>	-	-	12.168.161.132	12.168.161.132
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	34.722.323.621	(34.722.323.621)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 26)	63.780.750.000	-	(63.780.750.000)	-
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(23.625.000.000)	(23.625.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.854.162.569)	(9.854.162.569)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 – đã điều chỉnh lại</b>	300.030.750.000	172.150.529.403	348.485.869.498	820.667.148.901
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	181.150.962.321	181.150.962.321
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	26.475.363.128	(26.475.363.128)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 26)	59.996.330.000	-	(59.996.330.000)	-
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(210.019.070.000)	(210.019.070.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(19.740.438.562)	(19.740.438.562)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	360.027.080.000	198.625.892.531	213.405.630.129	772.058.602.660

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	36.002.708	360.027.080.000	30.003.075	300.030.750.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	360.027.080.000	30.003.075	300.030.750.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	360.027.080.000	30.003.075	300.030.750.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Vốn cổ phần đã phát hành và đang lưu hành của các cổ đông như sau:

	<b>31/12/2023</b>			<b>1/1/2023</b>		
	<b>Đã phát hành và đang lưu hành</b>			<b>Đã phát hành và đang lưu hành</b>		
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	22.274.205	222.742.050.000	61,87%	18.561.838	185.618.380.000	61,87%
Các cổ đông khác	13.728.503	137.285.030.000	38,13%	11.441.237	114.412.370.000	38,13%
	<b>36.002.708</b>	<b>360.027.080.000</b>	<b>100%</b>	<b>30.003.075</b>	<b>300.030.750.000</b>	<b>100%</b>

Công ty mẹ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam, được thành lập tại Việt Nam.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	<b>2023</b>		<b>2022</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	30.003.075	300.030.750.000	23.625.000	236.250.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	5.999.633	59.996.330.000	6.378.075	63.780.750.000
Số dư cuối năm	<b>36.002.708</b>	<b>360.027.080.000</b>	<b>30.003.075</b>	<b>300.030.750.000</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**26. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 15 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 120.012 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 40%/vốn điều lệ) và cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 59.996 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 20%/vốn điều lệ) cho năm 2023 (2022: 23.625 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 10%)) và cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 63.780 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 27%/vốn điều lệ) cho năm 2021).

Hội đồng quản trị của Tổng Công ty vào ngày 4 tháng 12 năm 2023 đã thông qua việc tạm ứng cổ tức cho cổ đông với số tiền là 90.007 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 25%/vốn điều lệ) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 (2022: Không).

**27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	26.001.021.518	27.707.500.628
Trong vòng hai đến năm năm	99.629.004.925	106.297.912.629
Sau năm năm	119.158.307.123	145.951.449.554
	<b>244.788.333.566</b>	<b>279.956.862.811</b>

**(b) Ngoại tệ**

	<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	188.814	4.552.912.820	56.757	1.328.445.938



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	176.940.000.000	43.100.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	56.180.000.000	5.742.000.000
	233.120.000.000	48.842.000.000

**28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng và gia công hàng may mặc	4.383.461.888.116	4.760.687.975.795
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	6.384.163.867	4.995.007.996
	4.389.846.051.983	4.765.682.983.791
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(3.275.248.195)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(402.316.433)	(456.833.533)
▪ Giảm giá hàng bán	(52.542.000)	-
	(3.730.106.628)	(456.833.533)
Doanh thu thuần	4.386.115.945.355	4.765.226.150.258

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ gia công và may mặc	4.020.561.587.144	4.192.660.908.074
Giá vốn dịch vụ khác	4.175.662.189	2.940.964.013
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(27.067.354.808)	33.252.018.315
	<b>3.997.669.894.525</b>	<b>4.228.853.890.402</b>

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lãi tiền gửi, cho vay và ứng trước	20.209.279.904	13.823.772.810
Cổ tức được chia	5.927.838.000	8.902.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	59.656.227.542	74.848.305.046
Doanh thu hoạt động tài chính khác	18.366.324	22.905.132
	<b>85.811.711.770</b>	<b>97.597.582.988</b>

**31. Chi phí tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	32.833.936.349	19.171.199.985
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.707.226.365	42.582.075.735
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.454.719.652	9.227.868.797
Hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(878.907.638)	(875.847.666)
	<b>60.116.974.728</b>	<b>70.105.296.851</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**32. Chi phí bán hàng**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Chi phí nhân viên	4.280.072.709	4.069.150.122
Chi phí vật liệu, bao bì	622.595.515	802.928.434
Chi phí khấu hao tài sản cố định	929.987.754	969.166.553
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.995.148.982	77.797.095.078
Chi phí khác	14.645.177.866	14.145.806.738
	<hr/> 64.472.982.826	<hr/> 97.784.146.925 <hr/>

**33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Chi phí nhân viên	66.956.906.908	60.350.242.241
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.705.844.105	9.771.425.507
Thuế, phí và lệ phí	6.626.350.399	11.966.336.298
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.440.273.725)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.935.461.939	21.926.089.152
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.302.017.996	2.489.962.901
Chi phí khác	21.252.540.213	23.357.568.491
	<hr/> 133.779.121.560	<hr/> 128.421.350.865 <hr/>

**34. Thu nhập khác**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định	875.191.521	915.983.515
Tiền phạt, bồi thường, thưởng nhận được	8.105.886.036	2.497.702.339
Các khoản thu nhập khác	1.156.208.344	2.949.062.005
	<hr/> 10.137.285.901	<hr/> 6.362.747.859 <hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**35. Chi phí khác**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	4.798.815.921	190.806.727
Các khoản chi phí khác	1.346.886.411	962.336.037
	<b>6.145.702.332</b>	<b>1.153.142.764</b>

**36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.281.313.439.997	2.559.429.848.141
Chi phí nhân viên	1.142.994.596.611	1.211.159.937.167
Chi phí khấu hao và phân bổ	101.612.278.948	104.704.395.238
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(1.440.273.725)
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	520.473.085.241	698.774.621.818

**37. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	34.620.259.569	75.096.452.039
Dự phòng thiếu năm trước	741.562.160	-
	<b>35.361.821.729</b>	<b>75.096.452.039</b>
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	3.367.483.005	(5.630.211.563)
	<b>38.729.304.734</b>	<b>69.466.240.476</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	219.880.267.055	342.868.653.298
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	43.976.053.411	68.573.730.660
Chi phí không được khấu trừ thuế	630.126.949	587.482.693
Thu nhập không bị tính thuế	(1.185.567.600)	(1.780.520.000)
Ảnh hưởng của các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận trong những năm trước	(4.731.057.586)	-
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	-	2.437.485.082
Dự phòng thiếu năm trước	741.562.160	-
Giảm thuế (*)	(701.812.600)	(351.937.959)
	<b>38.729.304.734</b>	<b>69.466.240.476</b>

(\*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động nữ có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho người lao động nữ.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản của Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Cổ tức bằng tiền	129.932.864.500	14.615.621.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	37.123.670.000	39.462.170.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.004.546	9.827.268
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.299.307.361	16.958.594.950
Chi phí lãi vay	14.617.579.970	6.454.974.769
Mua tài sản cố định	-	32.600.000.000
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.925.765.031	5.025.940.244
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.421.777.094	2.859.429.700
Cổ tức nhận được bằng tiền	442.088.000	-
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.196.613.438	1.350.723.157
Mua hàng hóa và dịch vụ	58.553.330.230	60.913.110.669
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	541.800.000	-
Bán tài sản cố định	-	260.306.165
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	913.472.004	367.469.364
Mua hàng hóa và dịch vụ	50.486.614.397	60.293.426.248
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	408.650.000	-
Bán tài sản cố định	69.514.079	12.287.000
<b>Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	230.099.433	111.106.985
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.095.011.731	6.642.531.407
<b>Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	36.451.215.457	55.129.720.446
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.243.524.142	3.020.567.760
Cổ tức nhận được bằng tiền	3.724.500.000	7.449.000.000
Bán tài sản cố định	-	3.500.000.000

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty liên kết</b>		
<i>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.158.733.067	1.307.845.359
Mua hàng hóa và dịch vụ	91.328.428.825	89.428.986.872
Cho vay	-	9.371.440.000
Nhận hoàn trả gốc cho vay	2.342.860.000	-
Thu nhập lãi cho vay và ứng trước	922.611.235	642.135.599
<i>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	228.555.852	467.379.207
Mua hàng hóa và dịch vụ	77.762.963.938	108.394.147.998
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	642.800.000	1.285.600.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<i>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</i>		
Bán hàng hóa	62.721.064	129.818.201
Mua hàng hóa và dịch vụ	71.670.515	41.496.000
<i>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Tín</i>		
Mua dịch vụ	5.627.220.060	5.036.827.928
<b>Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi của người quản lý chủ chốt</b>		
<i>Tổng Giám đốc</i>		
Tiền lương và thưởng	2.110.534.224	1.748.248.966
<i>Thành viên khác trong Ban điều hành</i>		
Tiền lương và thưởng	12.518.447.621	10.409.920.957
<i>Thành viên Ban kiểm soát</i>		
Tiền lương, thưởng và thù lao	626.065.159	494.876.729
<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>		
Thù lao và thưởng	2.673.683.166	2.277.829.021
<i>Thành viên 1 của Hội đồng Quản trị</i>		
Thù lao	93.333.328	66.666.668
<i>Thành viên 2 của Hội đồng Quản trị</i>		
Thù lao	93.333.328	66.666.668

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thành viên 3 của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao và thưởng	333.333.331	322.222.219
<b>Thành viên 4 của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	93.333.328	66.666.668

**39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	59.996.330.000	63.780.750.000
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.593.250.000	1.285.600.000
Cổ tức trả thông qua bù trừ công nợ	1.415.432.000	-
Lãi cho vay, ứng trước nhận được thông qua bù trừ công nợ	924.672.695	-
Bán tài sản cố định thông qua bù trừ công nợ	69.514.079	502.085.659
Chuyển từ quỹ khen thưởng phúc lợi sang vay ngắn hạn	-	57.200.000

**40. Thông tin so sánh**

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính riêng liên quan đến năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước được công bố trong Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ của Tổng Công ty) và theo Thông báo số 126/TB-KTNN ngày 2 tháng 2 năm 2024 gửi Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ. Các điều chỉnh này như sau:

- Điều chỉnh tăng Phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tăng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho năm kết thúc cùng ngày đối với hàng gia công xuất khẩu với số tiền là 34.008 triệu VND. Đồng thời, điều chỉnh giảm Hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tăng Giá vốn hàng bán tương ứng cho năm kết thúc cùng ngày với số tiền là 32.420 triệu VND.
- Điều chỉnh tăng Phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tăng Doanh thu hoạt động tài chính cho năm kết thúc cùng ngày cho tiền lãi dự thu đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền là 1.703 triệu VND.
- Điều chỉnh giảm Dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Chi phí quản lý doanh nghiệp cho năm kết thúc cùng ngày với số tiền là 2.016 triệu VND.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Điều chỉnh giảm Dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và giảm Giá vốn hàng bán cho năm kết thúc cùng ngày đối với khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho nguyên vật liệu và hàng mua đang đi trên đường với số tiền là 5.487 triệu VND.
- Điều chỉnh tăng Chi phí trả trước ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và giảm Chi phí bán hàng cho năm kết thúc cùng ngày do chưa phân bổ chi phí vận chuyển tương ứng lượng hàng xuất bán chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu với số tiền là 400 triệu VND.
- Điều chỉnh tăng Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và giảm Chi phí quản lý doanh nghiệp cho năm kết thúc cùng ngày đối với chi phí tư vấn xây dựng chiến lược thuộc dự án Đầu tư xây dựng chiến lược của Tổng Công ty với số tiền là 3.619 triệu VND.
- Điều chỉnh tăng Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tăng Chi phí thuế TNDN hiện hành cho năm kết thúc cùng ngày do ảnh hưởng của các điều chỉnh ở trên với số tiền là 1.548 triệu VND.
- Điều chỉnh giảm Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và giảm Lợi ích thuế TNDN hoãn lại cho năm kết thúc cùng ngày do ảnh hưởng của điều chỉnh giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho nguyên vật liệu và hàng mua đang đi trên đường với số tiền là 1.097 triệu VND.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại, như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán riêng**

	<b>1/1/2023</b>	<b>1/1/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>(theo báo cáo</b>	<b>(điều chỉnh của</b>	<b>(đã điều chỉnh lại)</b>
	<b>trước đây)</b>	<b>Kiểm toán</b>	<b>(đã điều chỉnh lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>Nhà Nước)</b>	<b>VND</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	424.020.470.624	34.008.455.668	458.028.926.292
Phải thu ngắn hạn khác	3.910.030.184	1.703.213.409	5.613.243.593
Dự phòng phải thu khó đòi	(6.850.127.251)	2.016.383.215	(4.833.744.036)
Hàng tồn kho	925.306.121.709	(32.420.382.837)	892.885.738.872
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(39.162.360.319)	5.487.177.892	(33.675.182.427)
Chi phí trả trước ngắn hạn	7.633.797.428	399.689.660	8.033.487.088
Xây dựng cơ bản dở dang	13.816.482.196	3.618.646.200	17.435.128.396
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.727.647.141	(1.097.435.578)	5.630.211.563
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	33.136.697.089	1.547.586.497	34.684.283.586
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	336.317.708.366	12.168.161.132	348.485.869.498

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2022</b>	<b>2022</b>	<b>2022</b>
	<b>(theo báo cáo trước đây) VND</b>	<b>(điều chỉnh của Kiểm toán Nhà Nước) VND</b>	<b>(đã điều chỉnh lại) VND</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.731.674.528.123	34.008.455.668	4.765.682.983.791
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	4.201.920.685.457	26.933.204.945	4.228.853.890.402
Doanh thu hoạt động tài chính	95.894.369.579	1.703.213.409	97.597.582.988
Chi phí bán hàng	98.183.836.585	(399.689.660)	97.784.146.925
Chi phí quản lý doanh nghiệp	134.056.380.280	(5.635.029.415)	128.421.350.865
Lợi nhuận kế toán trước thuế	328.055.470.091	14.813.183.207	342.868.653.298
Chi phí thuế TNDN hiện hành	73.548.865.542	1.547.586.497	75.096.452.039
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(6.727.647.141)	1.097.435.578	(5.630.211.563)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	261.234.251.690	12.168.161.132	273.402.412.822

**(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng**

	<b>2022</b>	<b>2022</b>	<b>2022</b>
	<b>(theo báo cáo trước đây) VND</b>	<b>(điều chỉnh của Kiểm toán Nhà Nước) VND</b>	<b>(đã điều chỉnh lại) VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	328.055.470.091	14.813.183.207	342.868.653.298
Các khoản dự phòng	38.439.458.031	(7.503.561.107)	30.935.896.924
Lãi từ hoạt động đầu tư	(21.939.142.916)	(1.703.213.409)	(23.642.356.325)
Biến động các khoản phải thu	79.820.765.853	(34.008.455.668)	45.812.310.185
Biến động hàng tồn kho	(155.746.630.794)	32.420.382.837	(123.326.247.957)
Biến động chi phí trả trước	(12.807.156.885)	(399.689.660)	(13.206.846.545)
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	(135.307.546.418)	(3.618.646.200)	(138.926.192.618)

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Ngoại trừ các trường hợp được điều chỉnh lại nêu trên, các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

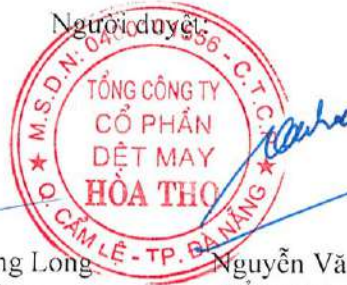
Ngày 6 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Phạm Anh Thảo  
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

